

## GHI NHẬN VÙNG PHÂN BỐ MỚI CỦA HAI LOÀI RẮN NƯỚC *Myrrophis chinensis* (Gray, 1842) VÀ *Sinonatrix aequifasciata* (Barbour, 1908) (Reptilia: Squamata: Serpentes) Ở TỈNH BẮC KẠN

Phạm Văn Anh<sup>1</sup>, Hoàng Văn Ngọc<sup>2\*</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Tây Bắc, <sup>2</sup>Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

### TÓM TẮT

Trong các chuyến khảo sát về lưỡng cư, bò sát tại tỉnh Bắc Kạn chúng tôi đã ghi nhận vùng phân bố mới của hai loài thuộc họ Rắn nước – Colubridae, đó là loài Rắn bông Trung Quốc (*Myrrophis chinensis*) và Rắn hoa cân vân đốm (*Sinonatrix aequifasciata*) cho tỉnh này, nâng tổng số loài rắn hiện biết ở tỉnh này lên 41 loài. Loài *Myrrophis chinensis* có đặc điểm nhận dạng phù hợp với mô tả của Smith (1943) [10], Nguyễn Văn Sáng (2007) [4], Kumar và cs (2012) [7]; loài *Sinonatrix aequifasciata* có đặc điểm nhận dạng phù hợp với mô tả của Vogel và cs (2004) [11], Nguyễn Văn Sáng (2007) [4], Le và cs (2015) [8]. Bên cạnh đó với ba mẫu của hai loài thu được ở tỉnh Bắc Kạn chúng tôi cung cấp thêm các dẫn liệu về hình thái và sinh thái học của hai loài rắn này.

**Từ khóa:** Colubridae, *Myrrophis chinensis*, *Sinonatrix aequifasciata*, Bắc Kạn, Phân bố

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Bắc Kạn là tỉnh nằm hoàn toàn trong vành đai nhiệt đới khu vực gió mùa, gần chí tuyến bắc hơn xích đạo và có sự phân hóa khí hậu theo mùa rõ rệt về nhiệt độ, lượng mưa, độ dài ngày và đêm. Diện tích đất tự nhiên là 485.941 ha, trong đó: Có trên 388.000 ha đất quy hoạch cho sản xuất lâm nghiệp, chiếm gần 80% tổng diện tích đất tự nhiên, độ che phủ rừng đạt 70,8% năm 2015 [6]. Đây chính là sinh cảnh sống phù hợp cho các loài lưỡng cư, bò sát (LCBS), tuy nhiên các nghiên cứu về đa dạng các loài này vẫn còn hạn chế. Một số nghiên cứu về LCBS ở Bắc Kạn đã được công bố như: Lê Trọng Trái và cs (2004) [5] đã thống kê được 34 loài LCBS tại khu vực Bản Thi, Xuân Lạc - Chợ Đồn; Trương Văn Lã và cs (2007) [1] đã thống kê được 41 loài LCBS tại khu vực Tam Tao - Chợ Đồn; Nguyen và cs (2009) [9] đã thống kê được 96 loài LCBS ở cả tỉnh Bắc Kạn; năm 2015, Ma Ngọc Linh [2] ghi nhận ở xã Sỹ Bình 2 loài thuộc họ thằn lằn bóng (Scincidae), 3 loài thuộc họ rắn nước (Colubridae) và 2 loài thuộc họ rắn lục (Viperidae) cho danh lục lưỡng cư, bò sát ở tỉnh Bắc Kạn và gần đây Hoàng Văn Ngọc và cs (2016) [3] đã thống kê được 51 loài LCBS tại Sỹ Bình, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Trong các chuyến khảo sát về đa dạng sinh học các loài LCBS gần đây tại tỉnh Bắc Kạn, chúng tôi đã tiếp tục tiến hành phân tích và định loại mẫu vật thu được và ghi nhận vùng phân bố mới của hai loài rắn nước: Rắn bông trung quốc - *Myrrophis chinensis* và Rắn hoa cân vân đốm - *Sinonatrix aequifasciata*.

### PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khảo sát thực địa được tiến hành trên địa bàn xã Bằng Lăng, huyện Chợ Đồn và vườn Quốc gia Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn trong tháng 5/2007 và tháng 4/2008. Mẫu rắn chủ yếu thu thập bằng gậy có móc hoặc kẹp bắt rắn và đựng trong các túi vải. Mẫu vật sau khi chụp ảnh được gậy mê, đeo nhãn và định hình trong cồn 90% trong vòng 10-20 tiếng, sau đó chuyển sang ngâm bảo quản trong cồn 70%. Mẫu vật hiện đang được lưu giữ tại khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

Các chỉ số đo với độ chính xác đến 0,1 mm bao gồm: SVL: Dài đầu và thân (đo từ nút mõm đến rìa trước lỗ huyệt); TaL: Dài đuôi (đo từ rìa sau lỗ huyệt tới nút đuôi); TL: dài toàn bộ cơ thể (SVL+TaL). Định loại rắn tham khảo các tài liệu sau: Smith (1943) [10], Nguyễn Văn Sáng (2007) [4], Vogel và cs (2004) [11], Kumar và cs (2012) [7] và Le và cs (2015) [8].

\* Tel: 0915 362060; Email: hoangngocks@dhsptn.edu.vn

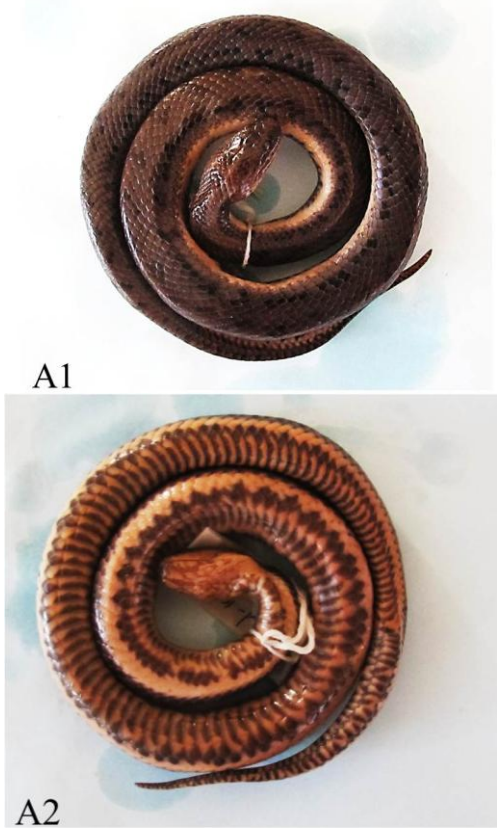
## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Dựa vào kết quả phân tích mẫu vật, chúng tôi mô tả đặc điểm hình thái của hai loài rắn nước ghi nhận vùng phân bố mới ở tỉnh Bắc Kạn như dưới đây.

### *Myrrophis chinensis* (Gray, 1842)

Chinese water snake/Rắn bông Trung Quốc (Hình 1).

Mẫu vật nghiên cứu (n = 2): Gồm hai mẫu đực (TNUE. 397 và 343) thu tháng 5 năm 2007 ở Vườn Quốc gia Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (220.26'34'' N; 105.36'06'' E. Độ cao: 417 m).



Hình 1. A1) Mặt lưng và A2) Mặt bụng của loài *Myrrophis chinensis*

Đặc điểm nhận dạng của loài rắn này phù hợp với mô tả của Smith (1943) [10], Nguyễn Văn Sáng (2007) [4], Kumar et al. (2012) [7]: SVL 370 - 392 mm (n = 2); đầu hơi phân biệt với cổ; đuôi ngắn (TaL 74 - 80 mm (TaL/TL 0,16 - 0,17), lỗ mũi chia đôi vảy mũi, nằm phía trên, hai vảy mũi tiếp giáp nhau; mắt nhỏ, con ngươi tròn; vảy mõm rộng hơn cao; vảy trước

trán lớn hơn vảy mũi; vảy trán dài bằng khoảng cách từ nó tới mút mõm; 2 vảy đỉnh lớn; 1 vảy má, dài bằng cao; 1 vảy trước mắt; 2 vảy sau mắt, vảy trên nhỏ hơn vảy dưới; 1+ 2 vảy thái dương; môi trên 8 vảy, vảy 4 tiếp giáp mắt, vảy thứ 6 thường lớn nhất; môi dưới 10 vảy, có 4 vảy tiếp giáp vảy sau cằm trước; 2 đôi vảy sau cằm, vảy trước lớn và dài hơn vảy sau, 2 vảy phía sau tách biệt nhau bởi hai vảy nhỏ; vảy thân: 26 - 23 - 19 hàng, hàng vảy giữa lưng cùng cỡ với các hàng vảy bên, vảy lưng nhọn; 146 - 147 vảy bụng; vảy hậu môn chia đôi; 47 vảy dưới đuôi, kép.

Màu sắc khi bảo quản: Đầu, lưng và sườn nâu; trên lưng có 3 hàng có chấm sẫm màu, không nối liền, kéo dài từ cổ tới mút đuôi, 1 hàng ở giữa sống lưng, 2 hàng còn lại ở hai bên; cằm sáng màu; hàng vảy thân thứ 2 - 3 ở hai bên sườn màu kem, kéo dài từ sau hàm dưới tới mút đuôi; bụng màu nâu, rìa bên của vảy bụng màu kem.

Phân bố: Loài rắn này hiện được ghi nhận ở Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nội, Sơn La, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đắk Lắk và Đắk Nông, Việt Nam [9]. Đây là lần đầu tiên chúng tôi ghi nhận phân bố của loài này ở Bắc Kạn.

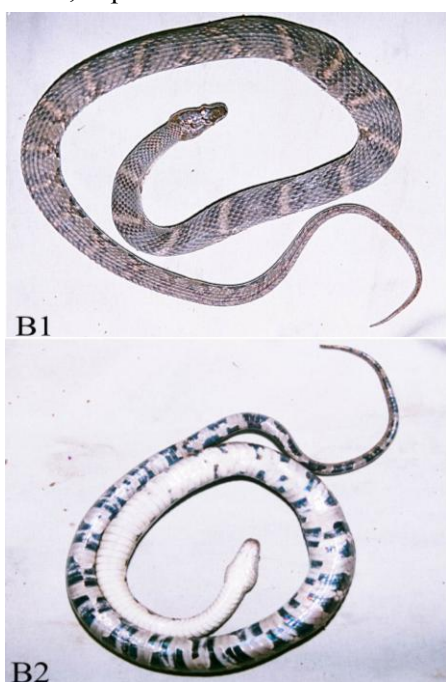
### *Sinonatrix aequifasciata* (Barbour, 1908)

Asiatic Water Snake/Rắn hoa cân vân đốm (Hình 2).

Mẫu vật nghiên cứu (n = 1): Gồm một mẫu đực (TNUE. 658) thu tháng 4 năm 2008 ở xã Bằng Lăng, Huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (22<sup>o</sup>07'79'' N; 105.34'19'' E, độ cao 384 m).

Đặc điểm nhận dạng của loài rắn này phù hợp với mô tả của Vogel et al. (2004) [11], Nguyễn Văn Sáng (2007) [4], Le et al. (2015) [8]: SVL 500 mm (n = 1); đầu phân biệt với cổ; đuôi dài (TaL 172 mm (TaL/TL 0,25), lỗ mũi chia đôi vảy mũi, nằm bên đầu, hai vảy mũi cách nhau bởi hai vảy gian mũi; mắt lớn, con ngươi tròn; vảy mõm rộng hơn cao; 2 vảy gian mũi, dài hơn rộng; vảy mũi dài hơn vảy trước trán; vảy trán dài hơn khoảng cách từ nó

tới mút mõm; 2 vảy đỉnh lớn; 1 vảy má, dài hơn cao; 1 vảy trước mắt; 3/2 vảy sau mắt; 2 + 3 vảy thái dương; môi trên 9 vảy, vảy thứ 5 tiếp giáp mắt, vảy thứ 7 lớn nhất; môi dưới 10 vảy, có 5 vảy tiếp giáp vảy sau cằm trước; 2 đôi vảy sau cằm, vảy sau lớn và dài hơn vảy trước, 2 vảy phía sau tách biệt nhau bởi hai vảy nhỏ dài; vảy thân: 19 - 19 - 17 hàng, có gờ, hàng vảy giữa lưng cùng cỡ với các hàng vảy bên, hàng vảy tiếp giáp vảy bụng nhẵn; 149 vảy bụng; vảy hậu môn chia đôi; 82 vảy dưới đuôi, kép.



**Hình 2.** B1) Mặt lưng và B2) Mặt bụng của loài *Sinonatrix aequifasciata*

Màu sắc khi bảo quản: Đầu, lưng và sườn nâu; bên lưng có 20 vệt hình chữ, phía lưng chữ x màu xám vàng, phía bên chữ x màu nâu; cằm, khoảng 1/3 về phía trước của bụng màu kem; phần sau bụng màu kem, với các đuôi hình chữ x kéo dài màu đen, càng về phía đuôi màu sẫm hơn. Màu sắc mẫu khi còn sống xem hình 2.

Phân bố: Loài rắn này hiện được ghi nhận ở Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Nghệ An và Hà Tĩnh [9]. Đây là lần đầu tiên chúng tôi ghi nhận phân bố của loài này ở Bắc Kạn.

## KẾT LUẬN

Qua hai đợt nghiên cứu trong năm 2007 và năm 2008 tại tỉnh Bắc Kạn, chúng tôi đã ghi nhận vùng phân bố mới và bổ sung dẫn liệu về hình thái của hai loài rắn nước, đó là loài Rắn bông Trung Quốc (*Myrrophis chinensis*) và Rắn hoa cân vân đốm (*Sinonatrix aequifasciata*). Với hai loài ghi nhận mới này đã nâng tổng số loài rắn hiện biết ở tỉnh này lên 41 loài.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Văn Lã, Trịnh Việt Cường, Đoàn Văn Kiên, Nguyễn Trường Sơn (2007), “Bước đầu ghi nhận các loài động vật rừng quý hiếm ở Tam Tao, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn”, *Báo cáo khoa học về sinh thái và tài nguyên sinh vật*, Nxb Nông Nghiệp, tr. 392 – 397.
2. Ma Ngọc Linh, Hoàng Văn Ngọc (2015), “Ghi nhận mới phân bố các loài thằn lằn (squamata: sauria) và rắn (squamata: serpentes) ở tỉnh Bắc Kạn”, *Hội nghị khoa học toàn Quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 6*, Hà Nội, tr. 208-213.
3. Hoàng Văn Ngọc, Ma Ngọc Linh, Lương Kỳ Anh (2016), “Thành phần loài lưỡng cư, bò sát tại xã Sỹ Bình, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn”, *Báo cáo Khoa học về nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam, Hội nghị Quốc gia lần thứ 2*, Đà Nẵng, 2016, tr. 560-565.
4. Nguyễn Văn Sáng (2007), *Động vật chí Việt Nam: Phân bộ rắn*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
5. Lê Trọng Trái, Eames J. C., Nguyễn Đức Tú, Ferey N. M., Kouznetsov A. N., Monastyrskii A. L., Đặng Ngọc Cần, Nguyễn Trường Sơn, Nguyễn Văn Sáng, Nguyễn Quảng Trường và Bùi Xuân Phương (2004), *Báo cáo đa dạng sinh học tổ hợp bảo tồn Ba Bể Na Hang*, Dự án PARC.
6. Ủy ban nhân tỉnh Bắc Kạn (2017), Công thông tin điện tử (<http://backan.gov.vn/Pages/default.aspx>).
7. Kumar A. B., Kate L. S., Sanil G., Murphy C. J. (2012), “The status of *Eurostus dussumierii* and *Hypsirhina chinensis* (Reptilia, Squamata, Serpentes): with comments on the origin of salt tolerance in homalopsid snakes”, *Systematics and Biodiversity*, 10 (4), pp. 479-489.
8. Le T. D, Pham V. A., Pham T. C., Nguyen L. H. S., Ziegler T., Nguyen Q. T. (2015), “Review of the Genus *Sinonatrix* in Vietnam with a New Country Record of *Sinonatrix yunnanensis* Rao et Yang, 1998”, *Russian Journal Herpetology*, 22(2), pp. 84-88.

9. Nguyen S. V., Ho C. T., Nguyen T. Q. (2009), *Herpetofauna of Vietnam, Edition Chimaira*, Frankfurt am Main.
10. Smith M. A. (1943), *The fauna of British India, Ceylon and Burma, including the whole of the Indo-Chinese Subregion*, Reptilia and Amphibia. Vol. III. Serpentes. Taylor and Francis (London).
11. Vogel G., David P., Pauwels G. S. O., Brachtel N. (2004), "On the occurrence of the watersnake *Sinonatrix aequifasciata* (Barbour, 1908) (Serpentes, Colubridae, Natricinae) in Vietnam", *Hamadryad*, 29 (1), pp. 110 – 114.

## SUMMARY

**NEW RECORDS OF TWO SNAKES *MYRROPHIS CHINENSIS* (GRAY, 1842) AND *SINONATRIX AEQUIFASCIATA* (BARBOUR, 1908) (REPTILIA: SQUAMATA: SERPENTES) FROM BAC KAN PROVINCE**

**Pham Van Anh<sup>1</sup>, Hoang Van Ngoc<sup>2\*</sup>**

<sup>1</sup>Tay Bac University, <sup>2</sup> University of Education - TNU

Based on recently herpetological collection from Bac Kan Province, we herein report two snakes of the family Colubridae, namely *Myrrophis chinensis* and *Sinonatrix aequifasciata*. Our findings bring the species number of the snakes to 41 in Bac Kan Province. *Myrrophis chinensis* from Bac Kan Province has morphological characters of the specimens agreed well with the descriptions of Smith (1943) [10], Nguyen Van Sang (2007) [4], Kumar et al. (2012) [7]; *Myrrophis chinensis* from Bac Kan Province has morphological characters of the specimens agreed well with the descriptions of Vogel et al. (2004) [11], Nguyen Van Sang (2007) [4], Le et al. (2015) [8]. In addition, we provide further morphological data for these newly recorded species.

**Keywords:** *Colubridae, Myrrophis chinensis, Sinonatrix aequifasciata, Bac Kan, distribution*

**Ngày nhận bài: 09/8/2017; Ngày phản biện: 05/9/2017; Ngày duyệt đăng: 31/10/2017**

\* Tel: 0915 362060; Email: hoangngocks@dhsptn.edu.vn